

Số: 50/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H** - Sinh năm 1988

Nơi đăng ký HKTT: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên.**

* Bị đơn: Anh **Lương Hữu M** - Sinh năm 1986

Nơi đăng ký HKTT: **Tổ dân phố B (M), phường B, thành phố Hải Phòng.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Bùi Thị H** và anh **Lương Hữu M**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Bùi Thị H** và anh **Lương Hữu M** thuận tình ly hôn.
 - Về con chung:** Không có.
 - Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Bùi Thị H** tự nguyện chịu 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **Bùi Thị H** đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001373 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho chị **Bùi Thị H** 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + BBGN;
 - VKSND khu vực 6-Thái Nguyên +BBGN;
 - THADS tỉnh Thái Nguyên;
 - UBND phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
 - Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Đại